

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỔ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 325/BC-UBND

Phổ An, ngày 05 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng,
an ninh năm 2024 và nhiệm vụ, kế hoạch, giải pháp năm 2025**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2024

1. Về phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn năm 2024 ước đạt 2.476,579 tỷ đồng, đạt 114,3% so với NQ HĐND xã đề ra, đạt 107,9% theo chỉ tiêu thị xã giao, Bình quân giá trị sản xuất đầu người 223.296.276 đồng, đạt 113,6% so với NQ HĐND xã đề ra (NQ: 196.447.000 đồng) bình quân thu nhập đầu người 62 triệu đồng/người/năm, đạt 103,3% so với NQ HĐND xã (NQ: 60 triệu đồng. (dân số 11.091). Sản lượng lương thực đạt 5.013 tấn, đạt 109,8% so với NQ HĐND xã đề ra (NQ: 4.565 tấn). Bình quân lương thực đầu người 451kg/người/năm, đạt 109,2% so với Nghị quyết (NQ 413 kg/năm). Về cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 17,6%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm tỷ trọng 45,2%; Thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 37,2%. Trong đó:

1.1 Về nông lâm ngư nghiệp:

Tổng giá trị sản xuất Nông nghiệp: Đạt 435,579 tỷ đồng, đạt 104,9% NQ HĐND, đạt 152,8% so với chỉ tiêu thị xã Đức Phổ giao.

a) Về trồng trọt: Tổng giá trị đạt 36,867 tỷ đồng, đạt 106,9% so với kế hoạch năm, đạt 81,9% so với chỉ tiêu thị xã giao.

- Về cây lúa: Vận động Nhân dân gieo sạ tổng diện tích 772,756 ha, với năng suất đạt 62,5 tạ/ha, sản lượng đạt 4.830 tấn, doanh thu đạt 23,811 tỷ đồng, đạt 107,8% so với kế hoạch năm.

- Về cây ngô: Diện tích sản xuất 30 ha, năng suất 61 tạ/ha, sản lượng 183 tấn, doanh thu đạt 820 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch năm.

- Về cây lạc: diện tích sản xuất 300 ha, năng suất 22 tạ/ha, sản lượng đạt 660 tấn, doanh thu đạt 9,673 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm.

- Về các loại cây trồng và hoa màu khác: Diện tích sản xuất 70 ha, năng suất 171 tạ/ha, tổng sản lượng 1.197 tấn, doanh thu đạt 2,563 tỷ đồng, đạt 100,6% kế hoạch năm.

b) Về chăn nuôi:

- Trong năm 2024 tình hình đàn gia súc, gia cầm ổn định, cuối tháng 6/2024 phát hiện ổ dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn, UBND xã phối hợp với trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch kịp thời. Trong năm, tổng sản lượng thịt hơi đạt 864 tấn, doanh thu đạt 31,508 tỷ đồng, đạt 129,3% so với kế hoạch năm, đạt 106,4% so với chỉ tiêu thị xã giao. Trong đó:

+ Tổng số đàn lợn 4080 con, trong năm xuất bán ra thị trường 236 tấn thịt hơi, doanh thu đạt 6,575 tỷ đồng, đạt 73,9% so với kế hoạch năm.

+ Đàn bò 3.700 con, trong năm xuất bán ra thị trường 592 tấn, doanh thu đạt 23,032 tỷ đồng, doanh thu đạt 169,1% so với kế hoạch năm.

+ Đàn gia cầm 36 tấn, doanh thu đạt 1,901 tỷ đồng, doanh thu đạt 102,9% so với kế hoạch năm.

- Trong năm tổ chức phun thuốc hóa chất diệt khuẩn và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đảm bảo, đạt 98% so với tổng đàn.

c) *Về nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản:* Tổng sản lượng đạt 6.264,7 tấn, doanh thu đạt 367,204 tỷ đồng, đạt 103,1% so với Kế hoạch năm; đạt 177,1% so với chỉ tiêu thị xã giao. Trong đó:

- Sản lượng nuôi trồng đạt 1.044,7 tấn, doanh thu đạt 137,524 tỷ đồng đạt 136,1% chỉ tiêu thị xã giao.

- Sản lượng đánh bắt xa bờ: Tổng số tàu thuyền hiện có 90 chiếc, trong đó có 58 chiếc tàu có công suất trên 300 CV và 32 chiếc có công suất dưới 50 CV. Trong năm, sản lượng đánh bắt đạt 5.220 tấn, doanh thu đạt 229,68 tỷ đồng, đạt 129,3% chỉ tiêu thị xã giao.

d) *Về lâm nghiệp:* Tăng cường công tác bảo vệ rừng, triển khai các thôn vận động Nhân dân bảo vệ rừng phòng hộ. Kiện toàn Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024, tổ bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng ở các thôn. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bảo vệ rừng phòng hộ. Trong năm 2024, xảy ra 01 vụ cháy rừng trên địa bàn xã.

1.2. Về công nghiệp - xây dựng

Tổng giá trị lĩnh vực công nghiệp – xây dựng đạt 1.120,5 tỷ đồng, đạt 121,1% so với NQ HĐND; đạt 102,7% chỉ tiêu thị xã giao. Trong đó:

- Đối với ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Từ đầu năm đến nay, đạt khoảng 519,5 tỷ đồng, đạt 115,4% so với NQ HĐND, đạt 106% so với chỉ tiêu Thị xã giao.

- Đối với ngành xây dựng: Từ đầu năm đến nay, ngành xây dựng trong nhân dân và các công trình phúc lợi khác, cùng các khoản đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 601 tỷ đồng, đạt 126,5% so với NQ HĐND, đạt 100,05% so với chỉ tiêu Thị xã giao.

- Lập hồ sơ báo cáo quyết toán các công trình năm 2023. Trong năm, đầu tư xây dựng mới 02 công trình và sửa chữa 01 công trình.

1.3. Về thương mại và dịch vụ:

Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định, nguồn cung dồi dào, đảm bảo nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân. Tổng doanh thu trong năm đạt

920,5 tỷ đồng, đạt 111,3% so với NQ HĐND xã, đạt 100,2% so với chỉ tiêu Thị xã giao.

1.4. Công tác tài chính:

- Dự toán năm 2024 (bao gồm dự toán giao đầu năm + bổ sung có mục tiêu trong năm + thu chuyển nguồn + thu kết dư) ước đạt 12,346 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách trong năm ước đạt: 12,497 tỷ đồng, đạt 101,2% so với NQ HĐND xã, đạt 191,1% so với chỉ tiêu Thị xã giao (Thị xã giao 519 triệu đồng, thực hiện 0,992 tỷ đồng).

- Tổng chi ngân sách ước đạt: 12,346 tỷ đồng, đạt 100% so với NQ HĐND xã giao.

- Hoàn thiện sổ sách và báo cáo quyết toán thu chi ngân sách năm 2023, thanh toán các khoản lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, và công việc kịp thời cho các ban ngành, hội đoàn thể hoạt động.

- Lập bộ thu và triển khai thu các quỹ với tổng số tiền là: 92.770.000 đồng. Trong đó:

+ Quỹ Phòng chống thiên tai: 28.897.000 đồng.

+ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa: 33.093.000 đồng.

+ Quỹ Chăm sóc người cao tuổi: 1.460.000 đồng.

+ Quỹ Vì người nghèo: 29.320.000 đồng.

1.5. Về công tác địa chính, môi trường:

- Giải quyết hồ sơ công dân tại cơ chế một cửa: Tổng số 56 hồ sơ, trong đó có 54 hồ sơ biến động đất đai và 02 hồ sơ đề nghị cấp lần đầu.

- Tham mưu UBND xã giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân, liên quan đến lĩnh vực đất đai.

- Tham mưu UBND xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận TQVN xã và các tổ chức Chính trị - xã hội xã, tổ chức 03 đợt ra quân tổng dọn vệ sinh môi trường, hưởng ứng ngày “Chủ nhật xanh”, với trên 700 lượt người tham dự.

TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu Kế hoạch trong năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết HĐND xã giao	Đạt chỉ tiêu so với UBND thị xã giao	So với Kế hoạch
1	Tổng giá trị sản xuất	2.293,4 tỷ đồng	2.476,579 tỷ đồng	Đạt 114,3%	107,9%	Vượt
2	Nông lâm ngư nghiệp	284,9 tỷ đồng	435,579 tỷ đồng	Đạt 105%	Đạt 152,9%	Vượt
3	Công nghiệp - Xây dựng	1.090,5 tỷ đồng	1.120,5 tỷ đồng	Đạt 121,1%	102,7%	Vượt
4	Thương mại dịch vụ	918 tỷ đồng	920,5 tỷ đồng	Đạt 111,3%	100,2%	Vượt
5	Tổng thu ngân sách	11,245 tỷ đồng	11,718 Tỷ đồng	Đạt 104,2%	Đạt 191,2%	Vượt
6	Tổng chi ngân sách	11,245 tỷ đồng	11,245 Tỷ đồng	Đạt 100%	100%	Đạt

2. Về văn hóa xã hội:

2.1. Về giáo dục, khuyến học:

a) *Về giáo dục:* Các trường thực hiện tốt việc dạy và học. Tổng số học sinh của 03 trường có 1.679 học sinh, trong đó 856 học sinh là nữ. Với 55 lớp, tổ chức thực hiện hoàn thành chương trình năm học theo kế hoạch, tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Năm học 2024 - 2025.

b) *Về khuyến học:*

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập” ở địa phương. Tổ chức triển khai phần mềm Công dân học tập.

- Các trường tổ chức tổng kết năm học 2023 - 2024 đảm bảo và triển khai sinh hoạt hè cho các em học sinh. Quỹ khuyến học đã vận động hỗ trợ tiền mặt cho các em học sinh nhân ngày tổng kết và khai giảng năm học với số tiền 272.400.000 đồng, 3.000 quyền vở trị giá 15 triệu đồng.

2.2. Về y tế, dân số:

a) *Về Y tế:* Thường xuyên theo dõi, giám sát các loại dịch bệnh nguy hiểm. Trong năm không có trường hợp nào mắc bệnh tay chân miệng, bệnh sốt xuất huyết, có 65 ca. Công tác tiêm chủng mở rộng được thực hiện kịp thời và tiêm chủng đúng quy định. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân kịp thời với tổng số 2.337 lượt khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.

- Tiếp tục duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã, giai đoạn đến năm 2030 theo Quyết định số 1.300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế; về dân số; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án kiểm soát dân số các vùng biển, hải đảo và ven biển.

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo, không có ngộ độc thực phẩm xảy ra. Phối hợp với ngành Y tế cấp trên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 và tháng vệ sinh an toàn thực phẩm.

b) *Về dân số:*

Duy trì và phát triển câu lạc bộ không sinh con thứ ba để hạn chế sinh con thứ 3. Đảm bảo các biện pháp tránh thai đạt 100%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%; tỉ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng còn 5,66%. Giảm 0,1% so với năm 2023.

2.3. Về VH TT, TDTT và đài truyền thanh:

a) *Về văn hóa thông tin và đài truyền thanh:*

- Thường xuyên duy trì đầy đủ lịch tiếp âm trên đài thị xã bảo đảm, thường xuyên tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế của địa phương. Xây dựng nội dung tin, bài phát sóng đài thị xã đảm bảo. Thường xuyên sửa chữa, củng cố hệ thống đài truyền thanh xã để đảm bảo công tác chuyển tải thông tin đến nhân dân và các sự kiện chính trị, ngày Lễ lớn của đất nước.

- Vận động nhân dân tham gia hiến máu tình nguyện: kết quả vận động được 59/55 đơn vị máu, đạt 107% chỉ tiêu thị xã giao.

- Tổ chức xét gia đình văn hóa đạt 97%, đạt 102% chỉ tiêu NQ HĐND xã giao, đạt 105% chỉ tiêu Thị xã giao; 4/4 thôn đạt thôn Văn hóa, đạt 100% chỉ tiêu NQ HĐND và chỉ tiêu Thị xã giao; cơ quan, đạt cơ quan văn hóa năm 2024.

b) Về lĩnh vực thể dục thể thao:

- Tham gia giải cờ tướng mừng Đảng, mừng xuân Nhâm Thìn năm 2024 do thị xã tổ chức; Xây dựng kế hoạch và tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024 nhân Kỷ niệm 78 năm Ngày truyền thống ngành thể dục thể thao và ngày Bác Hồ viết bài “thể dục và sức khỏe” kêu gọi đồng bào tập thể dục (27/3/1946 - 27/3/2024); kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2024), Thiết thực lập thành tích chào mừng kỷ niệm 49 năm ngày giải phóng xã Phổ An (18/3/1975 - 18/3/2024).

- Tổ chức tốt Lễ chào cờ đầu năm và viếng nghĩa trang liệt sỹ nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Thìn năm 2024.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động thể thao thị xã tổ chức, kết quả đạt: 2 giải nhất, 2 giải nhì và 1 giải ba.

2.4. Công tác chính sách người có công và chính sách An sinh xã hội:

a) Lĩnh vực chính sách người có công:

- Giải quyết kịp thời các chế độ người có công trên địa bàn, chi trả chế độ chính sách hàng tháng cho người có công đảm bảo. Chi quà tết cho đối tượng có công cách mạng và người thờ cúng liệt sỹ nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 kịp thời, cụ thể:

- Quà tết của Chủ tịch nước: Tổng 865 suất, số tiền: 263.100.000 đồng.

- Quà tết của UBND tỉnh: Tổng 949 suất, số tiền: 461.100.000 đồng.

- Quà hiện vật của UBND tỉnh: Tổng 584 suất, cho thân nhân liệt sỹ và người thờ cúng liệt sỹ nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Thìn năm 2024.

- Quà tết của UBND thị xã: Tổng 08 suất, số tiền: 4.000.000 đồng.

*** Lập hồ sơ và chi quà nhân ngày thương binh, liệt sỹ 27/7 cho người có công với cách mạng và người thờ cúng liệt sỹ:**

+ Quà chủ tịch nước: 243.000.000 đồng Trong đó: 11 suất x 600.000đồng/suất = 6.600.000 đồng; 788 suất x 300.000đồng/suất = 236.400.000 đồng.

+ Quà UBND tỉnh: 408.000.000 đồng; 816 suất x 500.000đồng/suất = 408.000.000đồng

+ Quà thăm gia đình chính sách 60 suất x 400.000đồng/suất = 24.000.000đồng

+ Quà UBND thị xã thăm gia đình chính sách khó khăn, tiêu biểu 07 suất x 1.000.000đồng/suất = 7.000.000đồng

- Tổ chức dâng hương viếng nghĩa trang liệt sỹ và nhà ghi ơn mẹ VNAH vào sáng ngày 26/7/2024;

- Tổ chức tọa đàm thân nhân người liệt sỹ, thương binh, bệnh binh và người có công với nước tại nhà văn hóa xã và sáng ngày 26/7/2027

- Lập hồ sơ mai táng phí người có công có 23 hồ sơ;

- Chỉnh sửa thông tin cá nhân trong hồ sơ liệt sỹ 12 hồ sơ

- Lập hồ sơ thờ cúng và chuyển đổi người thờ cúng liệt sỹ có 15 hồ sơ

- Chuyển hồ sơ liệt sỹ có 04 hồ sơ

b) Về lĩnh vực bảo trợ xã hội và An sinh xã hội:

Trong năm cấp mới thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội: 24 hồ sơ; cắt giảm thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội do nguyên nhân chết: 18 thẻ; cấp và gia hạn thẻ BHYT cho đối tượng hộ nông, lâm, ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi; Giải quyết mai táng phí có: 13 hồ sơ; Lập hồ sơ tăng mới cho đối tượng bảo trợ xã hội: 37 hồ sơ; tổ chức xác định mức độ khuyết tật có: 4 hồ sơ; cấp đổi lại giấy xác nhận khuyết tật: 01 hồ sơ.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Khảo sát lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu học nghề.

- Tổ chức thăm tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân ngày Quốc tế thiếu nhi.

- Tổ chức chúc mừng thọ cho các cụ tròn 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi.

- Công tác giảm nghèo được chú trọng, hộ nghèo được giảm dần từ 72 hộ giảm còn 62 hộ (giảm 0,32%), chiếm tỷ lệ 1,89%, đạt 100% chỉ tiêu chỉ tiêu thị xã giao (thị xã giao 62 hộ); hộ cận nghèo còn 46 hộ, chiếm tỷ lệ 1,4%, giảm 0,19%.

- Chi quà tết cho các đối tượng nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 kịp thời, cụ thể: Có 759 suất quà, với tổng số tiền là 363.900.000 đồng.

TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu Kế hoạch trong năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết HĐND xã giao	Đạt chỉ tiêu so với UBND thị xã giao	So với Kế hoạch
I	Văn hóa – xã hội					
1	Giáo dục	1.764 học sinh	1.679 học sinh		945,18%	Chưa đạt
2	Hộ gia đình văn hóa	92%	97%	Đạt 102%	Đạt 105%	Vượt
3	Thôn Văn hóa	100%	100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt
II	Y tế					
1	Dân số trung bình	9,229 người	9,234 người		Đạt 100,05%	Vượt
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	0,8%	0,78	Đạt 97,5	Đạt 97,5%	Vượt
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	5,7%	5,66	Đạt 94,33%	Đạt 99,29%	Vượt
III	Lao động việc làm, giảm nghèo					
1	Số hộ giảm nghèo trong năm	10 hộ	10 hộ	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt
2	Số hộ nghèo cuối năm	72 hộ	72 hộ	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới	1,90%	1,90%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt
4	Tạo việc làm mới và tăng việc làm thêm cho lao động	697 lao động	697 lao động	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt
5	Bình quân thu nhập đầu người	60 triệu đồng	62 triệu đồng	Đạt 103,3%		Vượt

3. Công tác khối nội chính:

3.1. Về công tác Thanh tra - Tư pháp - Hộ tịch:

a) Về công tác Tư pháp - Hộ tịch:

- Thực hiện tốt công tác quản lý hộ tịch, công tác chứng thực giải quyết cho tổ chức, công dân kịp thời, đúng quy định. Cụ thể: đăng ký khai sinh có 164 trường hợp, kết hôn có 45 trường hợp, khai tử có 119 trường hợp, cấp bản sao hộ tịch có 468 trường hợp, xác nhận tình trạng hôn nhân có 139 trường hợp; công tác chứng thực chữ ký có 574 trường hợp, chứng thực bản sao từ bản chính có 2.336 trường hợp, chứng thực bản sao điện tử có 27 trường hợp, chứng thực hợp đồng giao dịch 93 trường hợp.

- Đăng ký liên thông ba trong một (khai sinh, nhập khẩu, bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi) có 88 trường hợp. Trong đó, có 88 hồ sơ liên thông điện tử. Liên thông đăng ký khai tử, xóa khẩu, mai táng phí điện tử có: 39 hồ sơ.

b) Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

- Triển khai cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến về định danh điện tử cho cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn xã có trên 200 lượt người tham gia.

- Triển khai Luật căn cước, Luật nghĩa vụ quân sự cho cán bộ, công chức; hội viên, đoàn viên trên địa bàn xã vào ngày 28/6/2024 tại Hội trường UBND xã Phò An, có hơn 200 lượt người tham dự.

- Triển khai Luật căn cước, Luật nghĩa vụ quân sự lòng ghép cho cán bộ và nhân dân, hội viên, đoàn viên trên địa bàn xã trong các cuộc họp UBND xã, thôn và tiếp xúc cử tri trên địa bàn xã, có trên 500 lượt người tham dự.

- Triển khai cuộc thi trực tuyến, tìm hiểu pháp luật về lao động cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã, được 597 lượt người tham gia.

c) Công tác hòa giải cơ sở:

Hòa giải ở cơ sở 06 vụ, việc. Hòa giải thành 06 vụ, việc, đạt 100%.

d) Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị:

- Trong năm 2024, Chủ tịch UBND xã thực hiện tiếp công dân 03 lượt/15 người/14 vụ, việc. Trong đó:

+ UBND xã tổ chức tiếp công dân thường xuyên: 01 lượt/02 người/01 vụ, việc. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo các ngành chuyên môn, tham mưu giải quyết xong.

+ UBND xã tổ chức tiếp công dân định kỳ: 01 lượt/01 người/01 vụ, việc. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo các ngành chuyên môn, tham mưu giải quyết xong.

+ Chủ tịch UBND xã Tiếp công dân lưu động 02 kỳ tại thôn An Thổ và thôn Hội An 1, có 12 ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân. Chủ tịch UBND xã trả lời phúc đáp giải quyết 12/12 ý kiến, xong.

- Nội dung tiếp công dân chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai: kiến nghị, phản ánh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp đất đai, môi trường, an ninh trật tự, ...

- Trong năm 2024 UBND xã, tiếp nhận tổng cộng 32 đơn. Trong đó: Có 25 đơn đủ điều kiện xử lý (chiếm 78,1% trên tổng số đơn); (gồm 06 đơn yêu cầu hòa giải đất đai, 19 đơn phản ánh, kiến nghị; trùng vụ, việc 07 đơn). Trong đó: Số vụ việc yêu cầu giải quyết thuộc thẩm quyền là 25 vụ, việc (giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước), số vụ việc yêu cầu hòa giải đất đai thuộc thẩm quyền 06 vụ, số vụ việc phản ánh kiến nghị giải quyết thuộc thẩm quyền 19 vụ, việc. Cụ thể:

+ *Kết quả giải quyết đơn yêu cầu hòa giải đất đai*: Tổng số vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã: 06 vụ, đã giải quyết xong 06/6 vụ, đạt 100%.

+ *Kết quả giải quyết đơn phản ánh kiến nghị*: Tổng số vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã: 19 vụ, đã giải quyết xong 19/19 vụ, đạt 100%.

* Tổng cộng tỷ lệ giải quyết đơn năm 2024 của cấp xã đạt 100% (25/25 vụ, việc).

3.2. Về công tác an ninh:

- Tình hình có liên quan đến an ninh quốc gia: Trên địa bàn xã tiếp tục giữ vững ổn định, chưa ghi nhận các vấn đề phát sinh có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

+ Hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn xã hội: Trong năm 2024 phát hiện 02 vụ đánh bạc, 16 đối tượng, (01 vụ phạt tiền 17.100.000đ, 01 vụ đang củng cố hồ sơ xử lý vi phạm hành chính); 01 vụ tập trung đông người gây mất trật tự khu dân cư, 17 đối tượng, tổng phạt tiền 6.800.000đ; 01 vụ cố ý gây thương tích, 03 đối tượng, phạt tiền 16.250.000đ (*Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng và chức vụ: Trong năm 2024 xảy ra 05 vụ, 05 đối tượng vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, phạt tiền 1.150.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Tội phạm sử dụng công nghệ cao: Không

+ Tội phạm ma túy: Trong năm 2024 phát hiện 02 vụ sử dụng trái phép chất ma túy, (cùng 01 đối tượng), tổng 2 lần phạt tiền 3.500.000đ và đang lập hồ sơ xác định tình trạng nghiện tại Trạm y tế xã Phổ An.

+ Tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường: Trong năm 2024 phát hiện 02 vụ, 02 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường, tổng phạt tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Tình hình trật tự, an toàn giao thông: Trong năm 2024, trên địa bàn xảy ra 01 vụ TNGT giao thông làm bị thương 01 người; Công an xã phát hiện lập biên bản 20 trường hợp vi phạm luật giao thông đường bộ, phạt cảnh cáo 03 trường hợp, tổng phạt tiền 10.825.000đ (*Bảy triệu năm trăm hai lăm nghìn đồng*).

+ Tình hình cháy, nổ: Không.

- Công tác QLHC về TTXH: Hiện nay, trên địa bàn xã có 07 cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT (trong đó: 03 cơ sở kinh doanh ga, 01 cơ sở dịch vụ karaoke, 02 tiệm cầm đồ, nhà nghỉ 01). Trong năm đã phối hợp với Công an thị xã Đức Phổ tiến hành kiểm tra các cơ sở này 01 lượt, qua kiểm tra chưa phát hiện vi phạm.

- Tổ chức cho 04 hộ buôn bán kinh doanh và 09 trường hợp khác ký cam kết về không mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và đồ chơi nguy hiểm nằm trong danh mục cấm.

- Tổ chức 180 lượt tuần tra vũ trang bảo đảm ANTT, TTATGT với hơn 1200 lượt cán bộ chiến sĩ tham gia.

- Gọi hỏi răn đe 40 đối tượng cần theo dõi, quản lý, côn đồ, cần quấy trong dịp Tết Nguyên đán 2024.

- Tổ chức ra quân 13 đợt giải tỏa hành lang ATGT, lấn chiếm lòng lề đường trên các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý, cho ký cam kết 50 trường hợp, nhắc nhở 32 trường hợp.

- Tổ chức rà soát lập danh sách các cơ sở sửa chữa xe mô tô, gắn máy trên địa bàn xã, tiến hành cho 09 cơ sở viết bản cam kết không thực hiện các hành vi độ chế, thay đổi kết cấu phương tiện.

- Công tác quản lý đối tượng tù tha về, đối tượng đang chấp hành án tại địa phương: Trong năm có 02 người chấp hành xong án phạt tù về địa phương. Hiện quản lý 04 đối tượng thuộc diện tái hòa nhập cộng đồng và 02 người đang chấp hành án treo.

- Tổ chức tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm nhất là tội phạm trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên trang zalo Công an xã Phổ An, facebook “Cờ đỏ Phổ An”, thông báo trên hệ thống loa phát thanh của xã; trong đó, viết 19 tin bài đăng trên cờ đỏ Đức Phổ, 27 tin bài đăng trên trang zalo Công an xã Phổ An, facebook “Cờ đỏ Phổ An” và hệ thống loa phát thanh của xã; chia sẻ 730 tin bài tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm nhất là tội phạm trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản lên các trang mạng xã hội do Công an xã quản lý.

3.3. Về công tác quốc phòng:

- Tổ chức triển khai nhiệm vụ quốc phòng, quân sự tại địa phương năm 2024.

- Giao quân cho Thị xã Đức Phổ có 29/26 thanh niên, đạt 111,5%.

- Điều động lực lượng dân quân tham gia huấn luyện do thị xã tổ chức và tổ chức huấn luyện dân quân tại chỗ năm 2024 là 116/116 đ/c, đạt 100% chỉ tiêu.

- Kết nạp dân quân mới 26 đ/c, đạt 100%.

- Đón quân nhân xuất ngũ về địa phương có 21/21 quân nhân.

- Huấn luyện Dự bị động viên: Quân nhân dự bị tham gia huấn luyện, diễn tập năm 2024 tại Trung đoàn BB 64, Sư đoàn BB320: 15/15 đồng chí.

- Chốt danh sách công dân Nam tuổi 17 trong năm 2024 là: 94 công dân, đã đăng ký NVQS là 83 công dân.

- Tham gia xét duyệt chính trị, tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2025 cấp Thị xã, có 164 thanh niên đủ điều kiện gọi khám.

3.4. Về công tác chính quyền và cải cách hành chính:

a) Tổ chức nhà nước và cải cách hành chính:

- Tổ chức tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2023 và phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2024. Đồng thời tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức năm 2024.

- Để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính năm 2024, Đảng ủy ban hành Kế hoạch số 84-KH/ĐU ngày 05/02/2024 của Đảng ủy xã Phổ An về thực hiện Kế hoạch số 158-KH/TU ngày 19/12/2023 của Thị ủy Đức Phổ về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự

lãnh đạo, chỉ đạo, của Đảng đối với chuyển đổi số thị xã Đức Phổ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, UBND xã đã ban hành các kế hoạch như sau:

+ UBND xã Phổ An chỉ đạo cán bộ, công chức các ngành chuyên môn thuộc UBND tổ chức thực hiện, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời theo sự chỉ đạo của cấp trên, UBND xã đã ra Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 về Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính xã Phổ An năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 05/01/2024 về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Phổ An; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 02/01/2024 về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước của UBND xã Phổ An năm 2024; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 13/3/2024 của UBND xã về truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Phổ An; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 và Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 13/3/2024 của UBND xã về rà soát đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Phổ An; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 13/3/2024 của UBND xã Phổ An về Kế hoạch số 84-KH/ĐU ngày 05/02/2024 của Đảng ủy xã Phổ An về Thực hiện Kế hoạch số 158-KH/TU ngày 19/12/2023 của Thị ủy Đức Phổ về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, của Đảng đối với chuyển đổi số thị xã Đức Phổ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 13/3/2024 của UBND xã về kiểm tra nội bộ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Phổ An năm 2024, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước ở địa phương, tạo thuận lợi cho người dân và hạn chế các tiêu cực xảy ra trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức tuyên truyền vận động thích hợp ở địa phương qua các hội nghị, tiếp xúc cử tri; công khai các quy trình, thủ tục hành chính, các biểu mẫu, phí, lệ phí, ... tại cơ quan kịp thời, đúng quy định.

+ Công tác cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng quan tâm, trong năm 2024 đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa nhìn chung đạt yêu cầu, đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến 3.737 trường hợp và thực hiện thanh toán trực tuyến, trong năm 2024 không có trường hợp cán bộ, công chức sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, tạo điều kiện tốt nhất cho nhân dân, tổ chức đến thực hiện giao dịch, từng bước áp dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc chuyên môn. Quản lý, vận hành công thông tin điện tử của xã đi vào hoạt động hiệu quả, kịp thời đăng tải các tin bài về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tổ chức giao ban định kỳ đầu tuần, Duy trì và thực hiện tốt lịch trực, làm việc tại cơ quan theo quy định, tổ chức theo dõi việc thực hiện, chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức.

b) Về công tác chính quyền:

- Tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng được giữ vững, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại của công dân. Tổ chức công tác tiếp công dân theo định kỳ.
- Phối hợp với công đoàn cơ sở tổ chức hội nghị công nhân viên chức.
- Tổ chức triển khai sơ kết 6 tháng đầu năm về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian đến trên địa bàn xã.
- Cung cấp hồ sơ, tài liệu và báo cáo phục vụ kiểm tra Công tác nội vụ; Công tác cải cách hành chính (Từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2024).
- Triển khai Kế hoạch bầu Trưởng thôn nhiệm kỳ 2025 - 2027 trên địa bàn xã Phổ An, nhiệm kỳ 2025 - 2027.
- Thực hiện tốt năm Dân vận chính quyền, phát huy các phong trào của địa phương đã đạt được. Phát động phong trào văn hóa tiết kiệm trong ma chay không sử dụng nhạc cụ và hạn chế việc rải vàng mã ngoài đường khi tổ chức đám tang.
- Thường xuyên quán triệt cho cán bộ, công chức nghiêm chỉnh chấp hành Chỉ thị số 17- CT/TU ngày 16/11/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, Đảng viên, Chỉ thị số 31-CT/TU của ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về chủ trương không dùng bia, rượu trong buổi trưa các ngày làm việc, Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi.
- Người hoạt động không chuyên trách của xã thực hiện nghiêm túc Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về ban hành quy định việc quản lý, sử dụng đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu Kế hoạch trong năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết HĐND xã giao	Đạt chỉ tiêu so với UBND thị xã giao	So với Kế hoạch
1	Quốc phòng (tuyển quân)	26 Thanh niên	29 Thanh niên	Đạt 111,5%	Đạt 111,5%	Vượt
2	An ninh trật tự (giữ vững ANTT)	Giữ vững tiêu chí 19.2, về bảo đảm ANTT theo tiêu chí NTM	Giữ vững tiêu chí 19.2	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt

III. MỘT SỐ HẠN CHẾ, TỒN TẠI, TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND XÃ

1. Về ưu điểm: Tuy trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng được sự quan tâm lãnh đạo của cấp trên, sự tập trung lãnh đạo của Đảng bộ mà trực tiếp là BCH Đảng bộ, Thường vụ Đảng ủy, công tác giám sát của Thường trực HĐND, đại biểu HĐND và công tác phối hợp giữa UBND xã với Mặt trận và các hội đoàn thể, sự đồng thuận của Nhân dân nên tình hình chính trị xã hội được ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, kinh tế phát triển, đời sống vật chất,

văn hóa và tinh thần của Nhân dân được nâng lên, các chỉ tiêu cơ bản như một số cây hoa màu đạt năng suất cao, ngành thương mại, dịch vụ tăng mạnh, đánh bắt xa bờ đạt khá đem lại hiệu quả kinh tế cao.

2. Những tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những ưu điểm đã nêu, song vẫn còn hạn chế khuyết điểm cần khắc phục đó là:

- Chưa chủ động tham mưu giải quyết công việc của một số ít cán bộ, công chức. Chế độ báo cáo hàng tháng của các ban, ngành còn chậm so với thời gian quy định.

- Tình hình vi phạm trật tự, an toàn xã hội vẫn còn xảy ra. Việc thực hiện Đề án 06 một số chỉ tiêu thực hiện còn chậm chưa đạt kế hoạch trên giao (*Chỉ tiêu thu nhận, kích hoạt định danh mức độ 2, Chỉ tiêu thu thập dữ liệu AND thân nhân Liệt sĩ*).

- Thường xuyên xử lý rác thải và tuyên truyền, vận động nhân dân không vứt rác thải ra môi trường. Nhưng tình trạng vứt rác thải không đúng nơi quy định, vẫn còn xảy ra trên địa bàn xã.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia Bảo hiểm Y tế được các cấp, các ngành triển khai thường xuyên, nhưng đến nay bảo hiểm Y tế 92,19%, chưa đạt .

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Hiện nay, một số ngành thiếu công chức chuyên môn (*08/13 đ/c, còn thiếu 05 đ/c tính đến tháng 10/2024*), công việc đảm nhiệm rất nhiều. Nên công tác nghiên cứu văn bản chưa kịp thời, phần nào làm ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu giải quyết công việc và báo cáo theo quy định.

- Một số bộ phận nhân dân nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật dân còn hạn chế nhất là các công dân ở lứa tuổi thanh, thiếu niên. Công dân vắng mặt địa phương nhiều nên khó khăn trong công tác vận động và kích hoạt định danh điện tử mức độ 2.

- Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường “sanh, sạch, đẹp” của một số người dân còn hạn chế, dẫn đến việc vứt rác thải ra môi trường.

- Mặt trận TQVN xã, các tổ chức chính trị - xã hội chưa thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân tham gia Bảo hiểm Y tế, bên cạnh đó một số người dân chưa hiểu tầm quan trọng của việc mua Bảo hiểm Y tế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2025

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU:

Trong năm 2025, dự báo tình hình chính trị; kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng tiếp tục ổn định và phát triển. Để hoàn thành thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XXIII đã đề ra. Tập trung ưu tiên, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng

phát triển bền vững, tăng cường cải cách hành chính, quan tâm phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đi đôi với giải quyết việc làm tại địa phương.

1. Về lĩnh vực phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất trong các ngành, lĩnh vực ước đạt 2.704,705 tỷ đồng. Bình quân giá trị sản xuất đầu người 244.026.688 đồng, bình quân thu nhập đầu người 65 triệu đồng. Sản lượng lương thực đạt 4.822 tấn, bình quân lương thực đầu người 434kg/người/năm. Về cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 16,7%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm tỷ trọng 45,5%; Thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 37,8%.

1.1. Về nông nghiệp: Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2025 phấn đấu ước đạt 450,45 tỷ đồng.

a) Về trồng trọt: Tập trung chỉ đạo sản xuất hết diện tích đối với các loại cây trồng và các loại hoa màu có giá trị kinh tế cao, trong lĩnh vực trồng trọt đạt 35,246 tỷ đồng. Cụ thể các loại cây trồng sau:

- Về cây lúa: Gieo sạ hết diện tích 772,756 ha. với năng suất đạt 60 tạ/ha, sản lượng đạt 4.636 tấn, doanh thu đạt 22,855 tỷ đồng.

- Về cây ngô: Diện tích sản xuất 30 ha, năng suất 62 tạ/ha, sản lượng 186 tấn, doanh thu đạt 834 triệu đồng.

- Về cây lạc: diện tích sản xuất 300 ha, năng suất 22 tạ/ha, sản lượng đạt 660 tấn, doanh thu đạt 9,673 tỷ đồng.

- Về các loại cây trồng và hoa màu khác: Diện tích sản xuất 40 ha, năng suất 220 tạ/ha, sản lượng 880 tấn, doanh thu đạt 1,884 tỷ đồng.

b) Về chăn nuôi: Vận động và tạo điều kiện cho Nhân dân vay vốn để phát triển chăn nuôi và đa dạng hóa con giống vật nuôi theo hướng tiêu thụ trên thị trường, tổ chức tốt công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. Trong năm ước xuất bán 828 tấn, doanh thu đạt 29,59 tỷ đồng. Cụ thể là:

- Tổng đàn Bò 3.700 con, tỷ lệ lai 98% trở lên, ước xuất bán 592 tấn, doanh thu đạt 23,032 tỷ đồng.

- Tổng đàn Heo 4.080 con, ước xuất bán 236 tấn thịt hơi, doanh thu đạt 6,558 tỷ đồng.

- Tiêm phòng gia súc, gia cầm đạt trên 95%.

c) Về nuôi trồng đánh bắt hải sản: Tổng doanh thu đạt 385,614 tỷ đồng, cụ thể:

- Về sản lượng nuôi trồng thủy sản: Tổng sản lượng ước đạt 1086,39 tấn, doanh thu đạt: 144,404 tỷ đồng.

- Đánh bắt xa bờ, tổng số tàu thuyền hiện có 90 chiếc, trong đó có 90 chiếc tàu có công suất trên 300 CV và 32 chiếc có công suất dưới 50 CV. Trong năm sản lượng đánh bắt đạt 5.481 tấn. Doanh thu đạt 241,16 tỷ đồng.

d) Về lâm nghiệp: Thường xuyên chỉ đạo cho các thôn tăng cường công tác bảo vệ rừng phòng hộ, đẩy mạnh công tác phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô, vận động Nhân dân nêu cao tinh thần ý thức bảo vệ rừng.

1.2. Về công nghiệp - xây dựng: Trong năm, ngành công nghiệp xây dựng ước đạt 1.232,5 tỷ đồng. Trong đó:

a) Đối với ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: doanh thu ước đạt 571,450 tỷ đồng.

b) Đối với ngành xây dựng: Trong năm xây dựng trong nhân dân và các công trình phúc lợi khác cùng các khoản đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 661,100 tỷ đồng.

c) Xây dựng cơ bản: Tổ chức thi công các công trình xây dựng cơ bản trong năm.

1.3. Về thương mại dịch vụ: Trong năm, phần đầu lĩnh vực này ước đạt 1.021,755 tỷ đồng.

1.4. Về công tác tài chính: Tập trung thu các loại thuế, phí và lệ phí, tăng cường công tác thu ngân sách, tiết kiệm chi, đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thường xuyên, đẩy mạnh việc tạo nguồn thu để tăng ngân sách, chuyển trả kinh phí cho các đơn vị có liên quan đến ngân sách xã, quyết toán các công trình đã hoàn thành, phần đầu cuối năm các nguồn thu – chi ngân sách đạt chỉ tiêu.

- Tổng thu ngân sách dự kiến: 9,997 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách dự kiến: 9,997 tỷ đồng.

1.5. Về công tác địa chính:

- Thực hiện nghiêm túc việc quản lý đất đai. Tham gia giải quyết các đơn thư khiếu nại liên quan đến lĩnh vực đất đai. Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn Nhân dân làm hồ sơ thủ tục về đất đai. Phối hợp với tài chính lập bộ thu đất công ích và quản lý đất công ích đúng quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

2. Về lĩnh vực văn hóa xã hội:

2.1. Về giáo dục - khuyến học:

a). Về giáo dục:

- Thực hiện cuộc vận động với 02 không trong giáo dục và phong trào “trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ: phổ cập giáo dục mầm non 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS.

- Cuối năm học học sinh lớp 09 tốt nghiệp THCS đạt 95% trở lên, học sinh lớp 05 hoàn thành chương trình tiểu học 100%, học sinh THCS lên lớp 98%, vận động toàn dân đưa trẻ mẫu giáo đến trường đúng độ tuổi 100% độ tuổi mẫu giáo.

- Tăng cường công tác quản lý dạy thêm, học thêm theo quy định, có kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu kém để tiếp tục đến trường, hạn chế tình trạng bỏ học.

b) Về khuyến học: Tổ chức thực hiện công tác Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập, Đơn vị học tập và đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài. Tiếp tục thực hiện triển khai phần mềm công dân học tập. Tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2025 – 2030.

2.2. Về y tế - dân số:

a) Về Y tế: Tiếp tục duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã, giai đoạn đến năm 2030 theo Quyết định số 1.300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, chủ động phòng chống dịch bệnh ở người. Đảm bảo công tác khám chữa bệnh thường xuyên và hiệu quả cho Nhân dân. Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ em dưới 01 tuổi đạt 98% chỉ tiêu thị xã Đức Phổ giao. Đẩy mạnh công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và tuyên truyền trong Nhân dân về công tác vệ sinh môi trường. Quản lý tốt hồ sơ các bệnh nhân tâm thần và động kinh, khám và cấp thuốc định kỳ cho các đối tượng này. Triển khai hoạt động có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia như: Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ trẻ em, chương trình vitamin A, chương trình lao, ...

b) Về Dân số: Thực hiện đạt các chỉ tiêu về công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em. Duy trì và phát triển câu lạc bộ không sinh con thứ ba, để hạn chế sinh con thứ 3. Đảm bảo các biện pháp tránh thai đạt 100%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,8%; trẻ em suy dinh dưỡng còn 6%. Tiếp tục duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đạt được sau khi công nhận xã duy trì tiêu chí Quốc gia về Y tế.

2.3. Về văn hóa thông tin, thể thao và truyền thanh:

Tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa trên địa bàn. Đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ ở địa phương. Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, thực hiện thời gian tiếp âm đúng qui định, chủ động xây dựng chương trình đài truyền thanh xã phát trên sóng đài truyền thanh thị xã Đức Phổ có nội dung và chất lượng, bám sát vào tình hình thực tế của địa phương. Tổ chức các sự kiện, các ngày Lễ trọng đại trong năm. Tổ chức xét gia đình văn hóa, thôn văn hóa, cơ quan văn hóa theo hướng dẫn đúng qui định, cuối năm gia đình văn hóa đạt 95% trở lên, cơ quan; trường học văn hóa đạt 100%, thôn văn hóa đạt 100%. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận TQVN xã, tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.4. Công tác chính sách người có công cách mạng, chính sách xã hội:

- Thực hiện đầy đủ kịp thời đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước về chính sách an sinh xã hội như: Bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo; tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội và vốn vay từ các dự án để giải quyết việc làm, tăng thu nhập

cho người lao động. Tỷ lệ hộ nghèo trong năm còn dưới 02%. Tăng cường công tác truyền thông về “Bình đẳng giới” và “vì sự tiến bộ phụ nữ”. Tiếp tục triển khai kế hoạch hành động về bình đẳng giới.

- Huy động nhân dân tham gia BHYT toàn dân đảm bảo, đạt 95% trở lên.
- Thực hiện tốt công tác chính sách người có công, tổ chức thăm hỏi, tặng quà đối tượng gia đình chính sách và cho người nghèo trong dịp tết Nguyên đán và ngày 27/7 đảm bảo đúng quy định.

3. Về lĩnh vực Khối nội chính và công tác chính quyền:

3.1. Công tác Tư pháp - Hộ tịch:

- Thực hiện tốt việc đăng ký quản lý hộ tịch, chứng thực theo quy định của pháp luật, phục vụ kịp thời cho Nhân dân. Tham mưu UBND thẩm định soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).
- Xây dựng Kế hoạch tiếp công dân lưu động của Chủ tịch UBND xã.
- Lập kế hoạch triển khai các văn bản Luật cần thiết đến người dân.
- Phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức xác minh, tham mưu cho UBND xã giải quyết đơn kiến nghị, đơn phản ánh, đơn khiếu nại, đơn tố cáo đúng quy định.

3.2. Về an ninh:

- Tiếp tục tăng cường công tác phối hợp trao đổi thông tin giữa các xã, địa bàn giáp ranh để kịp thời phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn xã.

- Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý cư trú; rà soát, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tiếp tục thực hiện sạch dữ liệu, cập nhật thông tin an sinh xã hội, người lao động, thông tin phương tiện giao thông; tập trung thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu của Đề án 06/CP.

- Tham mưu Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT năm 2025; tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch đảm bảo ANTT năm 2025 trên địa bàn xã và kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTT năm 2025.

- Tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn toàn xã, phối hợp với Ủy ban Mặt trận TQVN xã tổ chức lồng ghép phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTT nhân ngày hội “Đại đoàn kết toàn dân tộc” ở các khu dân cư.

- Tham mưu Đảng ủy, UBND xã tổ chức Diễn đàn Công an xã lắng nghe và tiếp thu ý kiến nhân dân; tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc (19/8) năm 2025.

- Chỉ đạo làm tốt công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; công tác phòng cháy, chữa cháy. Lập kế hoạch đảm bảo ANTT các ngày lễ kỷ niệm, tết Nguyên đán năm 2025. Nhất là đại hội các Chi bộ, tiến đến Đại hội đại biểu Đảng bộ xã khóa XXIV nhiệm kỳ 2025-2030.

- Tiếp tục thực hiện Thông tư 124/TT-BCA của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn an toàn an ninh trật tự.

3.3. Về quốc phòng:

- Triển khai nhiệm vụ Quân sự quốc phòng năm 2025.
- Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân đảm bảo theo chỉ tiêu của thị xã Đức Phổ giao.

- Tổ chức giao quân năm 2025 đạt chỉ tiêu thị xã Đức Phổ giao.
- Xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện đạt chỉ tiêu trên giao.
- Xây dựng phương án phòng, chống lụt bão năm 2025.
- Phân công tiểu đội dân quân thường trực cơ quan đảm bảo.

3.4. Công tác chính quyền:

- Tập trung chỉ đạo điều hành quản lý phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh đạt hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, công tác trực báo để nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch thị xã Đức Phổ giao, Nghị quyết Đảng bộ và Nghị quyết HĐND xã đề ra.

- Thực hiện nghiêm túc Luật cán bộ, công chức; Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi, Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về chủ trương không dùng bia, rượu trong buổi trưa của các ngày làm việc. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo cơ chế “Một cửa”, xây dựng đề án một cửa hiện đại. Tổ chức công tác tiếp công dân theo định kỳ, giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh, ... của công dân theo quy định. Thực hiện nghiêm túc Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và phát huy quyền dân chủ trong cơ quan. Cuối năm tổ chức nhận xét, đánh giá phân loại hoạt động chính quyền, cán bộ công chức đúng quy định. Tổ chức xét nâng bậc lương cho cán bộ, công chức đúng quy định.

- Xử lý nghiêm khắc trường hợp cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật hoặc không hoàn thành nhiệm vụ. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức theo quy định. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa chính quyền với Ủy ban Mặt trận TQVN xã và các tổ chức chính trị, xã hội. Tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động của địa phương theo quy định.

- Tổ chức bầu Trưởng thôn nhiệm kỳ 2025 - 2027 trên địa bàn xã Phổ An.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Để thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2025 đạt kết quả, trước hết cần tập trung vào các nhiệm vụ giải pháp sau đây:

1. Quán triệt Nghị quyết kỳ họp HĐND xã đến cán bộ và Nhân dân, quan tâm đến công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

2. Chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đạt hiệu quả. Tăng cường công tác thu nợ đọng.

3. Tuyên truyền ngư dân chấp hành tốt các quy định khai thác thủy, hải sản trên biển. Vận động ngư dân vươn khơi đánh bắt đạt sản lượng theo kế hoạch.

4. Tập trung thu các nguồn thu theo quy định của Nhà nước, tiết kiệm chi, xây dựng nguồn thu để tăng ngân sách; Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm kê, quyết toán theo quy định của Nhà nước.

5. Thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Triển khai thực hiện tốt chương trình chính sách khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh buôn bán, phát triển kinh tế trên địa bàn xã.

6. Giữ vững các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

7. Quản lý tốt đất đai, tài nguyên khoáng sản, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về lĩnh vực đất đai, xây dựng nhà ở trái phép, khai thác tài nguyên đất bất hợp pháp, các trường hợp gây ô nhiễm môi trường; việc dùng xung điện đánh bắt cá trên các vùng nước tự nhiên, vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, vi phạm rừng phòng hộ.

8. Tiếp tục duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã, giai đoạn đến năm 2030 theo Quyết định số 1.300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, hạn chế tình trạng sinh con thứ 3.

9. Tổ chức các ngày lễ kỷ niệm trong năm, thường xuyên tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

10. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở địa phương, đảm bảo giao quân đạt chỉ tiêu thị xã Đức Phổ giao. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị - xã hội quan trọng của địa phương. Chỉ đạo tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn, Tập trung trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ.

11. Thực hiện tốt công tác PCTT&TKCN năm 2025, không để bị động, bất ngờ khi xảy ra thiên tai, thực hiện tốt phương châm bốn tại chỗ.

12. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phòng chống tham nhũng:

- Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, quyết liệt trong điều hành, đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu. Nâng cao chất lượng các cuộc họp của UBND xã, tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề phức tạp, phát sinh, kéo dài; nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm trong việc tham gia vào các công việc chung của UBND xã; Thường xuyên kiểm điểm, đánh giá hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành đối với ngành, lĩnh vực.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính để đảm bảo chỉ số CCHC năm 2025 của xã đạt mức từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” nhất là của cấp xã.

- Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật sâu rộng trong nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.

13. Duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định 48/2021/QĐUBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Duy trì tổ 48 cấp xã; nghiêm túc thực hiện theo Chỉ thị 31-CT/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2024 và nhiệm vụ, kế hoạch, giải pháp năm 2025 của UBND xã Phổ An./.

Nơi nhận:

- UBND Thị xã Đức Phổ
- Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã;
- Đảng ủy, TT. HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hà

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 GIAO CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 8352/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND thị xã Đức Phổ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phổ Châu	Phổ Thạnh	Phổ Khánh	Phổ Cường	Phổ Vinh	Phổ Hoà	Nguyễn Nghiêm	Phổ Ninh	Phổ Minh	Phổ Nhơn	Phổ Phong	Phổ Văn	Phổ Thuận	Phổ An	Phổ Quang	Tổng cộng
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ																	
	Tổng giá trị sản xuất (Giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	1.468,6	7.605,2	2.155,2	1.957,6	1.530,3	921,5	5.054,2	1.759,2	762,0	897,3	2.268,8	2.335,9	1.955,3	2.293,4	2.275,7	35.240
	* Nông, lâm, ngư nghiệp	Tỷ đồng	278,2	1.727,0	119,0	120,9	216,8	69,0	13,2	79,2	72,5	66,1	94,5	75,1	92,6	284,9	651,0	3.960
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	13,3	6,0	31,5	28,8	20,1	25,6	6,4	29,0	16,5	22,0	28,2	19,0	26,4	29,6	10,0	312
	- Thủy sản	Tỷ đồng	245,1	1.707,3	27,4	2,3	158,0	16,9	-	1,7	24,2	1,0	-	-	-	207,3	631,0	3.022
	+ Khai thác	Tỷ đồng	242,0	1.695,0	18,0	-	137,0	-	-	-	-	-	-	-	-	148,0	484,0	2.724
	+ Nuôi trồng	Tỷ đồng	3,1	12,3	9,4	2,3	21,0	16,9	-	1,7	24,2	1,0	-	-	-	59,3	147,0	298
	- Lâm nghiệp	Tỷ đồng	8,60	5,00	18,50	13,00	1,00	6,00	0,30	7,00	-	11,00	19,00	-	0,50	-	-	90
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	9,8	7,7	38,6	72,9	34,7	18,2	5,5	37,5	29,3	27,6	43,8	53,5	62,0	45,0	9,0	495
	* Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	645,3	3.456,2	1.110,2	1.100,6	882,5	651,5	2.123,0	1.066,0	462,5	564,2	1.473,3	1.124,8	1.033,7	1.090,5	905,7	17.690
	- CN-TTCN	Tỷ đồng	309,7	1.343,8	445,6	464,4	330,7	307,0	1.120,5	366,0	148,2	144,3	831,6	557,8	496,1	489,8	294,5	7.650
	- Xây dựng	Tỷ đồng	335,6	2.112,4	664,6	636,2	551,8	344,5	1.002,5	700,1	314,3	419,9	641,7	567,0	537,6	600,7	611,2	10.040
	* Thương mại dịch vụ	Tỷ đồng	545	2.422	926	736	431	201	2.918	614	227	267	701	1.136	829	918	719	13.590
I	Nông, lâm nghiệp và thủy sản																	
1	Nông nghiệp																	
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	1.388	1.176	4.042	9.060	4.617	2.543	244	5.317	4.528	3.325	5.252	6.687	7.377	4.016	990	60.565
	Trong đó:																	
	+Thóc	Tấn	1.388	1.176	3.835	8.854	4.440	2.304	244	5.081	4.470	3.089	5.016	6.510	7.200	3.900	990	58.500
	+ Ngô	Tấn	-	-	207	207	177	239	-	236	58	236	236	177	177	116	-	2.065
	- Một số cây trồng chủ yếu																	
	+ Lúa: Diện tích	ha	250	210	650	1.581	740	384	42	876	745	542	880	1.085	1.200	650	165	10.000
	Năng suất	tạ/ha	55,5	56,0	59,0	56,0	60,0	60,0	58,0	58,0	60,0	57,0	57,0	60,0	60,0	60,0	60,0	58,5
	Sản lượng	tấn	1.388	1.176	3.835	8.854	4.440	2.304	244	5.081	4.470	3.089	5.016	6.510	7.200	3.900	990	58.500
	+ Ngô: Diện tích	ha	-	-	35	35	30	40	-	40	10	40	40	30	30	20	-	350

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phổ Châu	Phổ Thạnh	Phổ Khánh	Phổ Cường	Phổ Vinh	Phổ Hoà	Nguyễn Nghiêm	Phổ Ninh	Phổ Minh	Phổ Nhơn	Phổ Phong	Phổ Văn	Phổ Thuận	Phổ An	Phổ Quang	Tổng cộng
	Năng suất	tạ/ha	-	-	59,0	59,0	59,0	59,7	-	59,0	58,0	59,0	59,0	59,0	59,0	58,0	-	59,0
	Sản lượng	tấn	-	-	207	207	177	239	-	236	58	236	236	177	177	116	-	2.065
	+ Sản (Mi): Diện tích	Ha	-	-	10	5	2	5	-	10	-	88	-	-	-	-	-	120
	Năng suất	Tạ/ha			180,0	180,0	180,0	180,0	-	180,0	-	180,0	-	-	-	-	-	180
	Sản lượng	Tấn	-	-	180	90	36	90	-	180	-	1.584	-	-	-	-	-	2.160
	+ Lạc: Diện tích	ha	-	-	200	70	20	30	-	40	10	30	30	20	30	220	-	700
	Năng suất	tạ/ha	-	-	22,0	22,0	22,0	22,0	-	22,0	22,0	22,0	22,0	22,0	22,0	22,0	-	22,0
	Sản lượng	Tấn	-	-	440	154	44	66	-	88	22	66	66	44	66	484	-	1.540
	+ Đậu các loại: Diện tích	ha	-	-	5	3	5	2	-	2	3	2	2	3	3	-	-	30
	Năng suất	tạ/ha	-	-	18,0	17,5	17,5	18,0	-	18,0	18,0	18,0	17,5	18,0	18,0	-	-	18
	Sản lượng	tấn	-	-	9	5	9	4	-	4	5	4	4	5	5	-	-	54
	+ Rau các loại: Diện tích	ha	15	15	110	150	50	50	10	90	60	160	160	67	67	40	6	1.050
	Năng suất	tạ/ha	210	210	220	218	220	220	217	220	220	220	220	220	230	220	214	220
	Sản lượng	tấn	315	315	2.420	3.270	1.100	1.100	217	1.980	1.320	3.520	3.520	1.474	1.541	880	128	23.100
	Chăn nuôi (Đàn gia súc)	Tấn	2.100	1.360	6.040	4.700	3.055	2.400	1.400	4.350	1.250	4.230	5.010	3.450	4.185	7.800	1.550	52.880
	+ Đàn trâu	con	-	10	40	400	5	0	-	-	50	30	210	150	85	20	-	1.000
	* Sản lượng thịt hơi	kg	-	1.580	6.320	63.200	790	0	-	-	7.900	4.740	33.180	23.700	13.430	3.160	-	158.000
	+ Đàn bò	con	1.700	950	4.700	3.700	2.850	2.100	900	3.750	1.000	3.200	2.800	2.100	2.700	3.700	850	37.000
	* Sản lượng thịt hơi	kg	272.000	152.000	752.000	592.000	456.000	336.000	144.000	600.000	160.000	512.000	448.000	336.000	432.000	592.000	136.000	5.920.000
	* Tỷ lệ lai	%	95,0	95,0	95,0	95,0	96,0	96,5	96,0	95,0	95,0	96,0	95,0	95,0	96,0	97,0	95,0	95,5
	+ Đàn lợn	con	400	400	1.300	600	200	300	500	600	200	1.000	2.000	1.200	1.400	4.080	700	14.880
	+ Sản lượng thịt hơi	kg	23.200	23.200	75.400	34.800	11.600	17.400	29.000	34.800	11.600	58.000	116.000	69.600	79.800	236.640	39.900	860.940
	Tổng sản lượng thịt hơi	Tấn	295	177	834	690	468	353	173	635	180	575	597	429	525	832	176	6.939
2	Lâm nghiệp																	
	Tổng diện tích rừng	ha	1.240,4	1.688,3	3.237,6	2.352,2	450,4	811,6	121,0	990,0	64,9	2.395,2	3.676,4	-	158,9	401,0	216,4	17.804
	Trong đó:																	
	+ Rừng tự nhiên	ha	51,1	147,2	320,8	206,2	-	60,2	-	-	9,9	-	1.158,2	-	-	-	-	1.954
	+ Rừng trồng	ha	1.189,3	1.541,1	2.916,8	2.146,0	450,4	751,4	121,0	990,0	55,0	2.395,2	2.518,2	-	158,9	401,0	216,4	15.851
	Trồng rừng sau khai thác	ha	100	144	206	149	16	48	5	54	-	57	164	-	7	-	-	950
	Trong đó:																	
	+ Rừng sản xuất	ha	100	144	206	149	16	48	5	54	-	57	164	0	7	-	-	950
	+ Tỷ lệ che phủ rừng	%																42
	Diện tích quy hoạch 3 loại rừng	ha	1.151,05	1.722,39	2.786,56	1.851,66	284,80	653,17	81,91	777,63	35,21	1.277,00	3.068,59	-	82,17	270,00	100,58	14.143

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phổ Châu	Phổ Thạnh	Phổ Khánh	Phổ Cường	Phổ Vinh	Phổ Hoà	Nguyễn Nghiêm	Phổ Ninh	Phổ Minh	Phổ Nhơn	Phổ Phong	Phổ Văn	Phổ Thuận	Phổ An	Phổ Quang	Tổng cộng
	+ Rừng phòng hộ	ha	44,13	94,49	573,91	185,34	90,61	91,92	24,84	170,80	35,21	612,49	1.199,40	-	-	270,00	100,58	3.494
	+ Rừng sản xuất	ha	1.106,92	1.627,90	2.212,65	1.666,32	194,19	561,25	57,07	606,83	-	664,51	1.869,19	-	82,17	-	-	10.649
3	Thủy sản	Tấn																102.900
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	9.508	54.023	1.698	-	7.872	-	-	-	-	-	-	-	-	4.038	21.362	98.500
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	97	62	790	62	455	460	-	46	419	31	-	-	-	768	1.211	4.400
	<i>Trong đó: + Tôm nuôi</i>	<i>Tấn</i>	63	-	419	-	251	-	-	-	419	-	-	-	-	587	461	2.200
	<i>+ Khác</i>	<i>Tấn</i>	34	62	371	62	203	460	-	46	-	31	-	-	-	181	750	2.200
	- Diện tích nuôi trồng	ha	14	20	140	20	21	149	-	15	20	10	-	-	-	37	52	498
	<i>Trong đó: Diện tích nuôi tôm</i>	<i>ha</i>	3	-	20	-	12	-	-	-	20	-	-	-	-	28	22	105
4	Thủy lợi																	
	Tổng diện tích được tưới	ha	205	118	281	853	388	237	99	365	489	681	637	524	650	359	114	6.000
	<i>Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố</i>		176	101	241	731	333	89	85	313	419	584	565	449	557	308	98	5.050
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG																	
I	Giáo dục																	
1	Tổng số học sinh đầu năm học		810	4.303	1.354	987	1.121	548	2.103	1.009	587	799	1.301	1.250	1.250	1.764	1.511	24.814
	- Mầm non công lập	Cháu	182	976	297	198	228	105	463	242	132	150	198	247	286	349	332	4.385
	- Tiểu học công lập	Học sinh	350	2.005	582	427	491	251	903	424	250	357	596	577	520	786	653	9.172
	- Trung học cơ sở công lập	Học sinh	278	1.322	475	362	402	192	737	343	205	292	507	426	444	629	526	7.140
	- Trung học phổ thông công lập	Học sinh																3.220
	- Giáo dục thường xuyên	Học sinh																897
2	Trường đạt chuẩn quốc gia																	
	Trường đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	Trường	2	3	3	3	3	2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	42
	- Mầm non	Trường	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	15
	- Tiểu học	Trường	-	2	1	1	1	-	1	1	-	1	1	1	1	1	1	13
	- Trung học cơ sở	Trường	-	-	1	1	1	-	1	1	-	1	1	1	1	1	1	11
	- Tiểu học và Trung học cơ sở	Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-	3
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
	- Mầm non	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1
	- Tiểu học	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0
	- Trung học cơ sở	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0
	- Tiểu học và Trung học cơ sở	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phổ Châu	Phổ Thạnh	Phổ Khánh	Phổ Cường	Phổ Vinh	Phổ Hoà	Nguyễn Nghiêm	Phổ Ninh	Phổ Minh	Phổ Nhơn	Phổ Phong	Phổ Văn	Phổ Thuận	Phổ An	Phổ Quang	Tổng cộng
II	Văn hóa																	
	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa																	
	- Hộ gia đình	%	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92	92
	- Thôn, Tò dân phố	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
III	Y tế																	
	Dân số trung bình	người	4.716	18.968	9.682	11.751	7.180	3.436	7.349	7.858	4.148	5.698	7.892	7.778	9.175	9.229	7.990	122.850
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	5,4	4,8	5,5	6,3	4,7	6,5	1,1	5,6	5,4	6,7	7,7	5,6	5,7	5,7	5,8	5,3
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ dân số được quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử	%	76	76	76	76	76	80	76	80	80	80	90	80	90	90	76	80
	Tỷ lệ Trạm Y tế có bác sĩ	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
IV	Lao động, việc làm, giảm nghèo																	
1	Giảm nghèo																	
	Tổng số hộ	hộ	1.675	5.622	3.544	3.655	2.217	1.225	2.771	2.778	1.436	1.992	2.946	2.558	2.986	3.262	2.292	40.959
	Số hộ nghèo	hộ	70	257	175	81	64	28	68	41	43	56	78	52	63	72	76	1.224
	Số hộ nghèo giảm trong năm	hộ	25	47	39	15	13	5	16	3	16	9	16	3	5	10	25	247
	Số hộ nghèo cuối năm	hộ	45	210	136	66	51	23	52	38	27	47	62	49	58	62	51	977
	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới	%	2,69	3,74	3,84	1,81	2,30	1,88	1,88	1,37	1,88	2,36	2,10	1,92	1,94	1,90	2,23	2,39
2	Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm	lao động	389	1.566	686	630	546	340	790	569	331	421	583	524	530	697	598	9.200
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (kể cả số lao động đã qua đào tạo và số lao động được đào tạo trong năm kế hoạch)	%	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5	54,5

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024,
KẾ HOẠCH NĂM 2025
XÃ PHỔ AN

(Kèm theo Báo cáo số 325/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của UBND xã Phổ An)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Ước TH 2024/KH 2024	Kế hoạch năm 2025	KH 2025/Ước TH 2024	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
	Tổng giá trị sản xuất (Giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	2.293,4	2476,579	108,0	2704,705	109,21	Vượt
	* Nông, lâm, ngư nghiệp	Tỷ đồng	284,9	435,579	152,9	450,45	103,41	
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	29,6	31,508	106,3	29,59	93,91	
	- Thủy sản	Tỷ đồng	207,3	367,204	177,1	385,614	105,01	
	+ Khai thác	Tỷ đồng	148,0	229,7	155,2	241,2	105,00	
	+ Nuôi trồng	Tỷ đồng	59,3	110,236	185,9	117,166	106,29	
	- Lâm nghiệp	Tỷ đồng	-					
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	45,0	36,867	81,9	35,246	95,60	
	* Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	1.090,5	1120,5	102,8	1232,5	110,00	
	- CN-TTCN	Tỷ đồng	489,8	519,5	106,1	571,450	110,00	
	- Xây dựng	Tỷ đồng	600,7	601	100,1	661,1	110,00	
	* Thương mại dịch vụ	Tỷ đồng	918	920,5	100,3	1021,8	111,00	
I	Nông, lâm nghiệp và thủy sản							
1	Nông nghiệp							
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	4.016	5.013	124,8	4.822	96,19	Vượt
	Trong đó:							
	+Thóc	Tấn	3.900	4.830	123,8	4.636	95,98	

	+ Ngô	Tấn	116	183	157,8	186,0	101,64	
	- Một số cây trồng chủ yếu							
	+ Lúa: Diện tích	ha	650	772,756	118,9	772,756	100,00	
	Năng suất	tạ/ha	60,0	62,5	104,2	60,0	96,00	
	Sản lượng	tấn	3.900	4.830	123,8	4.636	95,98	
	+ Ngô: Diện tích	ha	20	30	150,0	30	100,00	
	Năng suất	tạ/ha	58,0	61	105,2	62	101,64	
	Sản lượng	tấn	116	183	157,8	186	101,64	
	+ Sắn (Mì): Diện tích	Ha	-			-		
	Năng suất	Tạ/ha	-			-		
	Sản lượng	Tấn	-			-		
	+ Lạc: Diện tích	ha	220	300	136,4	300	100,00	
	Năng suất	tạ/ha	22,0	22	100,0	22	100,00	
	Sản lượng	Tấn	484	660	136,4	600	90,91	
	+ Đậu các loại: Diện tích	ha	-					
	Năng suất	tạ/ha	-					
	Sản lượng	tấn	-					
	+ Rau các loại: Diện tích	ha	40	70	175,0	40	57,14	
	Năng suất	tạ/ha	220	171	77,7	220	128,65	
	Sản lượng	tấn	880	1.197	136,0	880	73,52	
	Chăn nuôi (Đàn gia súc)	con	7.800	8.000	102,6	9.000	112,50	Vượt
	+ Đàn trâu	con	20		0,0			
	* Sản lượng thịt hơi	kg	3.160		0,0			
	+ Đàn bò	con	3.700	3.000	81,1	3.700	123,33	
	* Sản lượng thịt hơi	kg	592.000	365.000	61,7	592.000	162,19	
	* Tỷ lệ lai	%	97,0	98	101,0	98	100,00	
	+ Đàn lợn	con	4.080	5.000	122,5	4.080	81,60	
	+ Sản lượng thịt hơi	kg	236.640	312.000	131,8	236.000	75,64	
	Tổng sản lượng thịt hơi	Tấn	832	668	80,3	862	129,04	
2	Lâm nghiệp							
	Tổng diện tích rừng	ha	401,0	401,0	100,0	401,0	100,00	Đạt
	Trong đó:							

	+ Rừng tự nhiên	ha	-					
	+ Rừng rông	ha	401,0	401,0	100,0	401,0	100,00	
	Trồng rừng sau khai thác	ha	-					
	Trong đó:							
	+ Rừng sản xuất	ha	-					
	+ Tỷ lệ che phủ rừng	%						
	Diện tích quy hoạch 3 loại rừng	ha	270,00	270	100,0	270	100,00	
	+ Rừng phòng hộ	ha	270,00	270	100,0	270	100,00	
	+ Rừng sản xuất	ha	-					
3	Thủy sản	Tấn						
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	4.038	5.220	129,3	5.481	105,00	Vượt
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	768	1.044,7	136,1	726,4	69,53	
	<i>Trong đó: + Tôm nuôi</i>	<i>Tấn</i>	<i>587</i>	<i>360</i>	<i>61,4</i>	<i>360</i>	<i>100,00</i>	
	<i>+ Khác</i>	<i>Tấn</i>	<i>181</i>	<i>684,7</i>	<i>377,9</i>	<i>726,4</i>	<i>106,09</i>	
	- Diện tích nuôi trồng	ha	37	31,7	85,7	31,7	100,00	
	<i>Trong đó: Diện tích nuôi tôm</i>	<i>ha</i>	<i>28</i>	<i>15</i>	<i>53,6</i>	<i>15</i>	<i>100,00</i>	
4	Thủy lợi							
	Tổng diện tích được tưới	ha	359	359	100,0	359	100,00	Đạt
	<i>Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố</i>		<i>308</i>	<i>310</i>	<i>100,7</i>	<i>310</i>	<i>100,00</i>	
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG							
I	Giáo dục							
1	Tổng số học sinh đầu năm học		1.764	1.679	95,2	1.684	100,30	
	- Mầm non công lập	Cháu	349	326	93,4	325	99,69	
	- Tiểu học công lập	Học sinh	786	725	92,2	729	100,55	
	- Trung học cơ sở công lập	Học sinh	629	628	99,8	630	100,32	
	- Trung học phổ thông công lập	Học sinh						
	- Giáo dục thường xuyên	Học sinh						
2	Trường đạt chuẩn quốc gia							
	Trường đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	Trường	3	3,0	100,0	3,0	100,00	Đạt
	- Mầm non	Trường	1	1	100,0	1	100,00	
	- Tiểu học	Trường	1	1	100,0	1	100,00	

	- Trung học cơ sở	Trường	1	1	100,0	1	100,00	
	- Tiểu học và Trung học cơ sở	Trường	-					
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Trường	1	1	100,0	1	100,00	
	- Mầm non	Trường	1	1	100,0	1	100,00	
	- Tiểu học	Trường	-					
	- Trung học cơ sở	Trường	-					
	- Tiểu học và Trung học cơ sở	Trường	-					
II	Văn hóa							
	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa							
	- Hộ gia đình	%	92	97	105,4	95	97,94	Vượt
	- Thôn, Tổ dân phố	%	100	100	100,0	100	100,00	
III	Y tế							Chưa đạt
	Dân số trung bình	người	9.229	9.234	100,1	9.230	99,96	
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,8	0,78	97,5	0,8	102,56	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	5,7	5,66	99,3	5,50	97,17	
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100,0	100	100,00	
	Tỷ lệ dân số được quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử	%	90	40	44,4	55	137,50	
	Tỷ lệ Trạm Y tế có bác sĩ	%	100	100	100,0	100	100,00	
IV	Lao động, việc làm, giảm nghèo							
1	Giảm nghèo							Đạt
	Tổng số hộ	hộ	3.262	3,282	0,1	3,282	100,00	
	Số hộ nghèo	hộ	72	62	86,1	62	100,00	
	Số hộ nghèo giảm trong năm	hộ	10	10,0	100,0	3	30,00	
	Số hộ nghèo cuối năm	hộ	62	62	100,0	60	96,77	
	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới	%	1,90	1,89	99,4	1,89	100,00	
2	Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm	lao động	697	697	100,0	650	93,26	Đạt

3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (kể cả số lao động đã qua đào tạo và số lao động được đào tạo trong năm kế hoạch)	%	54,5	82,03	150,5	83,05	101,24	Vượt
----------	---	----------	------	-------	-------	-------	--------	-------------